

ĐỘNG TỪ TIẾNG NGA – MỘT VÀI BIẾN ĐỔI HIỆN NAY

Trương Văn Vỹ*

Ngữ pháp tiếng Nga, bao gồm Từ pháp và Cú pháp, là cấp độ ngôn ngữ bền vững và ổn định nhất, nằm sâu nhất trong các tầng lớp của hệ thống ngôn ngữ tiếng Nga. Song, chính ở cấp độ này đang xuất hiện những biến đổi, mặc dù không dễ nhận thấy, nhưng rất đáng quan tâm và rất có ý nghĩa. Nói đến từ pháp học không thể không đề cập đến các từ loại, và chính trong lĩnh vực này những biến đổi đang diễn ra nhiều nhất. Trong các từ loại thì danh từ biến động mạnh nhất, sau đó là động từ, và tiếp theo là tính từ, đại từ, trạng từ. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi trình bày những quan sát của mình liên quan đến một vài những thay đổi trong động từ - một trong những từ loại quan trọng của tiếng Nga hiện nay.

Từ khóa: từ loại, động từ, tiếng Nga, phi chuẩn, biến đổi ngôn ngữ.

Russian grammar, including Lexicology and Syntax, lies in the most stable level of Russian language system. However, it is at this level that important and meaningful changes occur although they are not easy to be recognized. When comes to lexicology, it is impossible not to mention word classes in which most changes takes place. Among the parts of speech, the widest fluctuations occur in nouns, then verbs, adjectives, pronouns and adverbs. Within the scope of this study, we discuss some changes in verbs – one of the most important parts of speech in Russian nowadays.

Key words: parts of speech, verb, Russian, normlessness, language change.

MỞ ĐẦU

Mọi người đều biết, bất kỳ những biến động nào trong xã hội, dù là nhỏ nhất, cũng đều kéo theo những thay đổi trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống con người. Vào đầu thập niên 1980, ở Liên Xô đã tiến hành công cuộc cải tổ toàn diện đất nước, và vào đầu những năm 1990, cũng ở ngay trên đất nước rộng lớn nhất thế giới này đã diễn ra một biến động chính trị, mang một ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn: Liên bang Xô-viết tan vỡ và Liên bang Nga ra đời. Những biến động to lớn này đã làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt nước Nga, đồng thời cũng làm thay đổi mọi lĩnh vực cuộc sống.

Ngôn ngữ cũng không đứng ngoài những biến đổi này. Từ những biến động to lớn làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt nước Nga, đã diễn ra một quá trình biến đổi hết sức mạnh mẽ hầu như ở tất cả mọi cấp độ ngôn ngữ trong tiếng Nga hiện đại. Từ cấp độ từ vựng đầy nhạy cảm, có những biến đổi mạnh mẽ nhất, cho đến cấp độ ngữ pháp, bao gồm từ pháp và cú pháp, vốn là những cấp độ ngôn ngữ bền vững nhất, ổn định nhất, ở sâu nhất trong các tầng lớp của hệ thống ngôn ngữ tiếng Nga, cũng đang diễn ra rất nhiều biến đổi có ý nghĩa, rất đáng chú ý. Người ta cũng nhận thấy nhiều biến đổi trong ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo từ, thành ngữ, thậm chí là cả các dấu câu trong tiếng Nga.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày những quan sát của mình liên

* TS., Trường Đại học KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh

Email: truong_vy@yahoo.com

quan đến một vài biến đổi trong lĩnh vực từ vựng tiếng Nga, mà trước hết là **động từ** - một trong những từ loại chiếm số lượng đáng kể và đóng vai trò chủ yếu trong tiếng Nga. Sự biến động của các từ loại khác, đặc biệt là các thực từ (знаменательные части речи) như tính từ, đại từ và trạng từ, chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu và trình bày trong các bài tiếp theo. Đây cũng có thể đang là một phần những biểu hiện của khuynh hướng “phi chuẩn”, “phi ngữ pháp”, “sai lệch chuẩn mực ngôn ngữ”, đang có nguy cơ xuất hiện ngày càng nhiều trong tiếng Nga hiện đại. Ngoài những biến đổi trong động từ, chúng tôi cũng chỉ ra những tác động và ảnh hưởng từ phía xã hội Nga dẫn đến những biến đổi của các cấp độ ngôn ngữ tiếng Nga nói chung, mà cụ thể với từ loại động từ được trình bày dưới đây.

NỘI DUNG

Theo quan sát tổng thể, trong động từ tiếng Nga đang diễn ra những biến đổi cụ thể sau đây.

1. Trong làn sóng dân chủ hoá và tự do hóa ở nước Nga hiện nay, với xu thế phát triển đặc biệt mạnh mẽ của ngôn ngữ nói (khẩu ngữ), nhiều động từ trong tiếng Nga đã không được chia theo chuẩn mực văn học và chuẩn mực ngôn ngữ, tạo ra những cách chia động từ lệch chuẩn, phi chuẩn, phi ngữ pháp (Костомаров В.Г. 1999: 67): - *сидю, уходю, упрעדю* (thay vì: *сиджу* (ngồi), *ухожу* (đi khỏi), *упрежу* (trách, mắng); - *смогёшь, опуцаешь* (thay vì: *сможёшь* (có thể), *опустишь* (bỏ/ đặt xuống); - *текёт, капает, глодает, махаёт* (maхаю), *полоскает, метаёт* (thay vì: *течёт* (chảy), *каплет*

(nhỏ giọt/ nước), *ложет* (gặm, nhấm), *машет/ машу* (vẫy [tay]), *полощёт* (súc [miệng], xả, giữ [quần áo]), *мечёт* (ném, quăng, vút); - *отвлекаемся* (thay vì: *отвлечемся* – không [còn] say mê); - *хочете* (thay vì: *хотите* – muốn). Như vậy là, tự do trong lời nói khẩu ngữ đã phần nào phá vỡ hệ thống chuẩn mực ngôn ngữ có tính rất chặt chẽ của tiếng Nga hiện đại.

2. Tương tự như vậy là việc cấu tạo mệnh lệnh thức (imperative) cũng không tuân thủ chuẩn mực, cấu tạo một cách tùy tiện, tùy hứng, sai lệch chuẩn mực ngôn ngữ tiếng Nga (Костомаров В.Г. 1999: 78): - *поехай* (thay vì: *поезжай* – (Hãy) đi/ đi); - *езжай* (thay vì: *езди*); - *сьезжай* (thay vì: *сьезди*). (Trong tiếng Nga có những quy định chuẩn mực hết sức chặt chẽ trong việc cấu tạo mệnh thức, đặc biệt là ở dạng số ít). Điều này càng thêm khẳng định, xã hội Nga hiện nay không còn đặt ra những điều kiện, không đòi hỏi đến hình thức của lời nói.

3. Mức độ văn hóa suy giảm trong tất cả các nhóm xã hội và ở mọi lứa tuổi trên nước Nga hiện nay, thể hiện ở chỗ trong mức độ nhất định sự sáng tạo lời nói là hoàn toàn theo ý chủ quan, tự phát. Việc tích cực hóa, sử dụng tự do Cách 4 (*Винительный падеж*) thay thế cho Cách 2 (*Родительный падеж*) trong trường hợp **phủ định** và sau các động từ đòi hỏi bổ ngữ ở Cách 2 kiểu *ждать* (đợi, chờ đợi), *хотеть* (muốn), cũng đang phát triển tràn lan (Балыхина Т.М. 2007: 54): - *не любил стихи, - ждудт лето, - хотели деньги, - не читать книги...* (Thay vì: *не любил стихов* (không yêu/ thích thơ), *ждудт лета* (chờ, đợi mùa hè)

хотели денег (muốn có tiền), *не читать книг* (không đọc sách),...).

4. Sự bành trướng của giới từ, kết hợp với động từ không theo bất kỳ quy tắc ngữ pháp tiếng Nga nào, cũng đang phát triển tùy tiện, “vô tội vạ” (Харченко В.К. 2006: 38): - *об этом надо иметь в виду*; - *видим о том, что*;... Trước đây, nước Nga có những quy định nghiêm ngặt về cái được phép và không được phép trong chuẩn mực ngôn ngữ đối với những văn bản dành cho công chúng, nay các qui định đã bị phá vỡ. Nhìn chung, nhiều tầng lớp xã hội đã tận dụng cơ hội hình thức chủ nghĩa để thể hiện mình trong xã hội.

5. Lan tràn một cách rất khó kiểm soát là các hình thái động từ bình dân, “thông tục”, sử dụng từ một cách thiếu hiểu biết (М.; «Наука» 2003: 23): - *ложить* (từ thông tục) (Thay vì “положить” – đặt, đặt xuống), - *заиметь* (từ thông tục) (Thay vì “иметь” – có. Ví dụ: *Ни одного африканца, который заимел бы свою фабрику, мне назвать не могли.* - «Известия»). Đây là cách làm tầm thường hoá ngôn ngữ, hạ thấp trình độ sử dụng ngôn ngữ của người dân. Nước Nga hiện nay đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề xã hội nan giải như: cuộc sống không ổn định, mức sống thấp, thất nghiệp, đủ thứ tệ nạn... Các vấn đề xã hội này nhanh chóng được thể hiện thông qua khẩu ngữ, khiến nó trở nên thô thiển hơn. Tại những thành phố lớn như Moscow, Saint Petersburg,... cũng xuất hiện nhiều cách sử dụng từ ngữ phi chuẩn mực.

6. Hình thức giao tiếp trong xã hội Nga thay đổi tạo cho ngôn ngữ nói – khẩu ngữ, phát triển vượt trội, mà ngôn ngữ nói,

không phải như ngôn ngữ viết, nhiều khi lệch chuẩn, không tuân thủ chặt chẽ các quy tắc ngữ pháp chặt chẽ như văn viết. Vì vậy, sự thay đổi các quy tắc ngữ pháp dễ dàng nhận thấy trong phạm vi động từ. Trong tiếng Nga hiện nay ngày càng phổ biến (và không hề giấu diếm) những lỗi “hiển hiện”, như sử dụng các động từ *нарушать* (vi phạm), *защищать* (bảo vệ), *переживать* (xúc/ xao động, lo/ lắng) mà hoàn toàn không cần đến bỏ ngữ, thiếu phần bỏ ngữ, thiếu sự giải thích thêm (sau những động từ này bắt buộc phải có bỏ ngữ). Ví dụ: *Граждане, не нарушайте! Защищать от инфляции трудно. А я сижу и переживаю* (Này các công dân, **không được vi phạm** [cái gì?]**!** **Bảo vệ** [ai?/ cái gì?] **khỏi lạm phát** là [rất] khó khăn. Tôi ngồi và **lo lắng** [cái gì?]). Hay như: *Кандидат соответсвует, чтобы его избрать* (Ứng viên **thích hợp** ([với] cái gì?), **để bầu chọn** anh ta). Trong khi đó lại xuất hiện nhiều trường hợp có sự pha trộn khác nhau, kết hợp không đúng quy tắc của nhiều tập hợp từ như: *Соблюдайте чистоту в урны. Своевременно оплачивайте за поезд* (М.; «Наука» 2003: 28).

7. Cấu tạo động từ nguyên dạng có tận cùng là **-ить** từ danh từ (tận cùng **-ить** trong đa số trường hợp thường là của *động từ hoàn thành thể*. Cấu tạo từ mới thường bắt đầu từ *động từ chưa hoàn thành thể* [mà thường có tận cùng là **-ать**], từ đó tiến hành cấu tạo động từ hoàn thành thể, để tạo nên *cặp thể động từ*) (Волкова Н.Н. 2005: 42): - *отксерить* (от названия компании «Ксерокс» - từ tên gọi của

hãng máy photocopy “X-rox”) – *Попросил отксерить один документ* (АиФ, 2003, 19) (Волкова Н.Н. 2005: 45); - *референдумить* (от слова «референдум» - trưng cầu) – *Чего ж тут «референдумить», коли белорусы в большинстве своём говорят именно на русском* (Сегодня, 25/6/2003) (- *квотить* (от слова «квот», có nghĩa là “viện dẫn »).

8. Từ vay mượn trở nên phổ biến hầu như trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, thời trang... Nguyên nhân vay mượn từ tiếng nước ngoài có rất nhiều, song có một nguyên nhân chính là làm tăng số lượng từ mới trong tiếng Nga hiện nay, đáp ứng nhu cầu sử dụng đa dạng ngôn ngữ trong xã hội. Như vậy, xã hội “cởi mở” tạo điều kiện cho việc phổ biến các từ vay mượn, các kiểu sử dụng ngôn ngữ “phá cách”. Đặc biệt, một hiện tượng ngữ pháp đáng chú ý, “trên cơ sở thẩm mỹ ngôn ngữ thời thượng” đã xuất hiện và được sử dụng rộng rãi trên báo chí – đó là việc dùng động từ ở dạng nguyên mẫu với giới từ đứng trước động từ (Костомаров В.Г., 1999: 93). Đây là hiện tượng ngoại lai, vô cùng xa lạ trong tiếng Nga trước đây, song lại đang rất phổ biến trong tiếng Nga hiện nay): - *о выпить* (*Ни хлеба у вас, ни мяса, не говоря уже о выпить*. – «Куранты»); - *за выпить* (*За выпить дядя все сделает. За выпить – что угодно*. – «Новый мир»); - *против побеседовать* (*Я не против встречи и побеседовать*. – «Известия»); - *на почитать* (*Пьесу читали, осуждали, о ней спорили, перепечатывали, брали*

«на почитать». – «Литературная газета»).

9. Tính không ổn định trong xã hội cũng làm cho lời nói Nga trở nên “bất định”. Xu hướng tích cực tranh luận chính trị, sự phát triển những hình thức đối thoại mang tính tranh luận, sự đa nguyên hóa hành vi giao tiếp của con người đã tác động rất nhiều đến những thay đổi trong ngôn ngữ. Trong tiếng Nga đã xuất hiện những câu nói “phi ngữ pháp”, không biến cách, không chia động từ, không xác định được giống, số, từ được thay đổi tùy tiện, trật tự câu lộn xộn;... Trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng không ít cách sử dụng từ theo kiểu kết hợp giữa a) *động từ cặp vật* và b) *động từ bất cặp vật* với cùng một hình thái bổ ngữ: *мешать* (b) *или замедлять* (a) *этот процесс; отслеживать* (a) *и влиять* (b) *на ситуацию; почитать* (a) *и преклоняться* (b) *перед Джейми; испытал* (a) *и остался* (b) *доволен новым общественным туалетом; знаем* (a) *и владеем* (b) *обстановкой*; (Костомаров В. Г. 1999: 101). Đây là sự kết hợp hoàn toàn sai với chuẩn mực trong ngữ pháp tiếng Nga.

10. Trong xã hội Nga hiện nay nổi trội một khuynh hướng, đó là những từ ngữ mang tính định giá tầm thường, thô tục trở lên có giá trị trong xã hội và được sử dụng rộng rãi, tiếng bình dân phát triển mạnh mẽ. Tiếng lóng xuất hiện và tăng nhanh ở trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, chiếm một tỉ lệ khá lớn trong số những từ mới có trong tiếng Nga. Biểu hiện thô tục hóa lời nói và hình thành rất nhiều tiếng lóng có thể là hậu quả của sự giải phóng lời nói và

sự phản ứng với những hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống. Một số động từ mới theo khuynh hướng đó theo Харченко В.К. (2006: 38): - *наехать* (chửi rủa), - *кинуть* (vỡ nợ, phá sản), - *отстегнуть* (cho tiền), - *доить* (bòn tiền), - *оттягивать (ся)/оттянуться* (làm giàu) (Ví dụ: *бизнесмены оттягиваются; пытаются оттянуться на полную катушку*).

11. Xã hội Nga đang tìm những phương thức biểu hiện ngôn ngữ một cách tự do, có tính bùng nổ, nên đã tạo ra hàng loạt những ngôn từ xa lạ, thô thiển, phi chuẩn. Nhiều từ liên quan, ám chỉ đến các tệ nạn xã hội và tội phạm như ma túy, mại dâm, cờ bạc, say rượu, tổng tiền, giết người, mafia, vốn trước đây bị cấm đoán kiên quyết, thì bây giờ được sử dụng tràn lan, thậm chí xuất hiện tự do trên báo chí, phát thanh, truyền hình. Động từ «*пахать*» (*cày, đi cày*) trước đây dùng như tiếng lóng với nghĩa thô tục, vui đùa thay thế cho «*действовать, трудиться*» (*hoạt động, lao động*), thì bây giờ đã sử dụng hoàn toàn bình thường trong sách vở, báo chí (Волкова Н.Н. 2005: 52) - *Им ещё «пахать» до Нового года* (Известия, 3/9/2002). (*Họ vẫn còn phải “cày” cho đến tận Tết*. – nói về các cô gái điếm làm việc ở Nhật Bản). Những động từ tương tự như vậy xuất hiện ngày càng nhiều trong tiếng Nga: - *отмывать деньги* (rửa tiền); *выкачивать деньги* (bòn, rút tiền); *перелопатить информацию* (đào bới thông tin); *выбить товар* (phá cửa). Các động từ này trước đây khi được sử dụng thường để trong dấu ngoặc hoặc viết nghiêng để giữ nguyên

nghĩa và mang tính biểu cảm, còn bây giờ thì không cần như vậy nữa. Chúng đang hoạt động như những từ chuẩn mực, sử dụng phổ biến trong tiếng Nga hiện nay.

12. Xã hội Nga hiện nay ít còn tính đòi hỏi đến hình thức chuẩn mực của lời nói, sử dụng tiếng Nga tùy tiện, tùy hứng, thô thiển, chạy theo “ngoại lai”... Từ đó, phá vỡ rất nhiều cấu trúc bền vững vốn có. Trong tiếng Nga hiện nay đang có khuynh hướng phát triển mạnh mẽ kiểu kết hợp **không sử dụng** đến các biểu thị hình thái của từ - vốn là đặc trưng của ngữ pháp tiếng Nga, mà đơn giản là cứ tự do ghép 2 từ lại với nhau, còn trên chữ viết thể hiện không nhất quán bằng dấu gạch ngang hoặc không có dấu gạch ngang. Cấu tạo cụm từ kiểu này đang rất phát triển ở động từ, với sự kết hợp độc đáo các hình thái động từ: **встретились-разбежались** (dạng quá khứ) (Ví dụ: *Отношения типа «встретились-разбежались» он не приемлет.* – «Московский Комсомолец»); **разут-раздет** (dạng tính động từ bị động) (Ví dụ: *Покажи мне хоть одного, кто бы помирал с голоду или был разут-раздет...* – «Аргументы и Факты»); **купи-продай** (dạng thức mệnh lệnh) (Ví dụ: *Сейчас тружусь на ниве купи-продай... Ребята купи-продай зарабатывают...* – «Аргументы и Факты»); *Вся жизнь – купи-продай.* («Московский Комсомолец»). Trong tiếng Nga cũng đã từng tồn tại kiểu cấu tạo như vậy và mang tính tri thức rất cao là «*да-нет*»: *Многие избиратели попались в «да-нет» капкан.* – «Правда» (Харченко В.К. 2006: 48).

13. Cấu tạo từ mới thông qua tăng bậc (theo kiểu bậc thang) cũng là một khuynh hướng nhận thấy được trong tiếng Nga hiện nay, có nghĩa là trong dãy cấu tạo từ không có động từ nòng cốt, và động từ mới được cấu tạo từ các từ loại khác như từ danh từ hoặc tính từ. (Danh từ, và cả tính từ thường là được cấu tạo từ động từ, nhưng trong những trường hợp này thì ngược lại, đó là động từ được cấu tạo từ danh từ, tính từ và thậm chí là cả từ số từ /thứ tự/ nữa). Điều này cũng không nằm trong chuẩn mực ngữ pháp tiếng Nga (Харченко В.К. 2006: 78). Hãy so sánh các từ sau: *первый* (số từ) – *первенство* (danh từ) – *первенствовать* (động từ) – *первенствующий* (tính động từ); *диссидент* (danh từ) – *диссидентство* (danh từ) – *диссидентствовать* (động từ) – *диссидентствующий* (tính động từ); *спонсор* (danh từ) – *коспонсор* (danh từ) – *спонсорствовать* (động từ) – *спонсировать* (động từ); *громозда* (danh từ) – *громозд* (danh từ) – *громоздский* (tính từ) – *громоздить* (động từ);...

14. Thành phần mở rộng cú pháp cần thiết ở Cách 3 (*Дательный падеж*) *кому* trong kiểu câu *Кому досталось, Кому удалось* thường xuyên bị lược bỏ, chỉ còn dùng duy nhất động từ vị ngữ trong các kiểu câu vô nhân xưng là *досталось* hoặc *удалось* (Балыхина Т.М. 2007: 65). Ví dụ: *При обсуждении программы, предложенной Егором Гайдаром, досталось от законодателей как за попытки достаточно быстро вести страну к рынку,...* («Известия»). Nói cách khác, ở phạm vi khái quát hơn, các loại câu khuyết chủ ngữ trong tiếng Nga

(câu nhân xưng-bất định, câu vô nhân xưng, câu nhân xưng-khái quát) đã mất đi tính xác định cần thiết của mình: *придется, вероятно, мириться с тем...; его не зовут, ему не звонят...; когда в приемной наводили лоск, розу оставили...; сколько раз говорилось о...;* (Балыхина Т.М. 2007: 65).

15. Liên quan đến trọng âm, cần phải nói đến hiện tượng nhiều động từ trong tiếng Nga hiện nay bị cố tình đọc sai các dấu nhấn, hoặc nhấn trọng âm không theo các chuẩn mực vốn có. Ví dụ như (những chữ cái in đậm, gạch dưới là mang trọng âm, và đọc như vậy là không đúng) [Костомаров В. Г., 1999, tr. 134]: *на~~ч~~ать, при~~н~~ять, угл~~у~~бить, возбу~~д~~ить, сформ~~и~~роваться, прем~~и~~ровать,...; прин~~я~~ла, зан~~я~~л, за~~н~~яла, пере~~д~~ал, переж~~и~~ла себя, уда~~л~~ось, мину~~л~~ год,...; и~~д~~ут, позво~~н~~ит,...; переве~~д~~ен, прове~~д~~ен, заклю~~ч~~ен, внесе~~н~~ы, пере~~д~~ано, углуб~~л~~енный...* Mọi người học tiếng Nga đều biết rằng, trọng âm trong tiếng Nga có vai trò rất quan trọng. Nếu đọc sai trọng âm, nghĩa của từ sẽ thay đổi, thậm chí là thay đổi cả ý nghĩa ngữ pháp. Đây là một sai lệch chuẩn mực ngôn ngữ rất nghiêm trọng. Theo thống kê điều tra xã hội năm 1999, đã chỉ ra rằng chỉ có 42% người Nga thừa nhận là họ cảm thấy dễ chịu khi nói năng có văn hóa, 38% nhìn vào điều này một cách rất thờ ơ, 20% không hề nghĩ đến điều này, nghĩa là họ cảm thấy bình thường khi sử dụng những từ ngữ thiếu văn hóa hoặc vô văn hóa. Như vậy, trên 50% số người không quan tâm đến yếu tố văn hóa khi nói năng. Tiếp theo, 32% (phần lớn là phụ nữ) cố gắng tuân thủ chuẩn mực lời nói khi giao tiếp, còn

28% không bao giờ làm điều này. Còn lại, 40% số người được hỏi đã không thể trả lời câu hỏi này, có nghĩa số đông này đã không quan tâm đến nói năng ngôn ngữ chuẩn mực (Костомаров В. Г. 1999; Балыхина Т.М. 2007).

KẾT LUẬN

Những biến đổi của các từ loại, trong đó có động từ tiếng Nga, vẫn đang trong quá trình hành chức của mình, và tất nhiên, đang chịu sự “kiểm định” nghiêm khắc của xã hội và thử thách của thời gian. Trong số các biến đổi trên, có cả biến đổi tích cực và tiêu cực, nhưng có lẽ những biến đổi theo khuynh hướng tiêu cực đang chiếm số lượng vượt trội, chủ yếu là do những tác động và ảnh hưởng tiêu cực từ phía xã hội.

Những biến đổi tích cực có thể dễ dàng tìm được chỗ đứng trong xã hội, còn những biến đổi có tính “phi chuẩn”, tạm thời có thể tồn tại, nhưng sẽ nhanh chóng bị đào thải. Nhưng biết đâu, một số trong các biến đổi “phi chuẩn” đó, do có nhiều người dùng và sử dụng thường xuyên, mà sẽ trở thành “chuẩn mực”, giống như khi có nhiều người đi và đi mãi thì sẽ thành đường đó thôi. Trong ngôn ngữ, cũng như nhiều lĩnh vực khoa học khác, sự phát triển đều có những quy luật riêng, song điều đó không có nghĩa là không có những ngoại lệ. Những biểu hiện mà chúng ta đang chứng kiến, như nêu trên, rất có thể trong một tương lai gần, sẽ trở thành những “quy luật” mới mà cộng đồng ngôn ngữ phải tuân thủ. Thực tế trong quá trình phát triển ngôn ngữ nói chung, và cụ thể

trong sự phát triển của tiếng Nga nói riêng, nhận định trên đã không ít lần được chứng minh là đúng.

Những biến đổi trong động từ tiếng Nga nêu trên đây cũng mới chỉ là một số quan sát thấy được rõ nhất, do được sử dụng và tương đối phổ biến trong xã hội Nga hiện nay. Quá trình biến đổi vẫn đang diễn ra, không chỉ đối với động từ, mà còn là toàn bộ hệ thống tiếng Nga hiện đại, đòi hỏi cần có những nghiên cứu tiếp theo nhằm phục vụ thiết thực nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập tiếng Nga hiện nay ở các cơ sở giáo dục của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Балыхина Т. М. *Проблемы функционирования и преподавания русского языка в АТР*. Сборник научных статей. Малайзия. 2007. (Balukhina T. M. *Vấn đề hành chức và giảng dạy tiếng Nga ở Vùng Châu Á-Thái Bình Dương*. Tuyển tập các bài báo khoa học. Malaysia. 2007)
2. Волкова Н. Н. *Русская эмотивная фразеология в языке и тексте*. – Воронеж, 2005. (Volkova N. N. *Thành ngữ cảm xúc tiếng Nga trong ngôn ngữ và trong văn bản*. – Voronezh. 2005)
3. Костомаров В. Г. *Языковой вкус эпохи*. Изд. 3-е, испр. и доп. «Златоус». С-Пб., 1999. (Kostamarov V. G. *Thẩm mỹ ngôn ngữ thời đại*. Xuất bản lần thứ 3, có sửa chữa và bổ sung. Nxb. “Dlatous”. Saint Peterburg. 1999)
4. *Русская разговорная речь. Фонетика. Морфология. Лексика. Жест*. М.; «Наука», 2003. (Lời nói hội thoại Nga. Ngữ âm. Hình thái học. Từ vựng. Cử chỉ. Moskva, Nxb. “Khoa học”. 2003)
5. Харченко В. К. *Современная речь*. М., 2006. (Khartrenko V. K. *Lời nói hiện đại*. Moskva. 2006)

(Toà soạn nhận bài viết ngày 24/5/2017, duyệt đăng ngày 30/9/2017)